

Bản án số: 28/2022/DS-ST

Ngày: 31/5/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Võ Thị Ngọc The

- Bà Phan Thị Trúc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang:
không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2022/QĐST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1/ Ông **Phạm Khắc N**, sinh năm: 1971 (Đơn xin vắng mặt)

2/ Bà **Phạm Thị Cẩm H**, sinh năm: 1975 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp 9, thị trấn H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: 1/ Ông **Trần Văn N**, sinh năm: 1972 (Vắng mặt)

2/ Bà **Trần Thị N**, sinh năm: 1979 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Tân Hiệp, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Khắc Ngử và bà Phạm Thị Cẩm H trình bày: Nguyên vào ngày 6/3/2019 vợ chồng bà Trần Thị N và ông Trần Văn N có đến nhà vợ chồng ông, bà để vay số tiền 40.000.000 đồng, mục đích vay là để đáo hạn Ngân hàng, lãi suất vay là

3%/tháng. Thời hạn vay là sau 2 tháng, nhưng đến hạn thanh toán vợ chồng ông N, bà N không thực hiện dù ông, bà đã nhiều lần nhắc nợ.

Khi vay thì ông N, bà N có ký biên nhận nợ ngày 6/3/2019 và giao cho vợ chồng ông, bà giữ.

Việc bà N trình bày trong quá trình vay vợ chồng bà N, ông N đã đóng lãi cho ông, bà được 42.000.000 đồng là không đúng. Trong quá trình vay bà N, ông N chỉ đóng cho ông, bà được 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) đồng tiền lãi thì không đóng nữa.

Nay vợ chồng ông, bà yêu cầu ông N, bà N phải cùng có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng ông, bà số tiền gốc 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng chẵn) và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm sau khi đã khấu trừ 1.500.000 đồng tiền lãi bà N, ông N đã đóng trong quá trình vay.

Ông, bà không đồng ý cho ông N, bà N trả dần.

Ngoài ra, vợ chồng ông, bà không có ý kiến và yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa bà H yêu cầu:

Bà yêu cầu ông N, bà N phải cùng có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng ông, bà số tiền gốc 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng chẵn) và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm sau khi đã khấu trừ 1.500.000 đồng tiền lãi bà N, ông N đã đóng trong quá trình vay. Ông, bà không đồng ý cho ông N, bà N trả dần.

Ngoài ra, vợ chồng ông, bà không có ý kiến và yêu cầu nào khác.

Theo bản tự khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị N trình bày:

Nguyên vào ngày 6/3/2019 bà và chồng là ông Trần Văn N có đến nhà vợ chồng ông N, bà H để vay số tiền 40.000.000 đồng, mục đích vay theo biên nhận ghi là để đáo hạn Ngân hàng, lãi suất vay là 3%/tháng. Thời hạn vay là sau 2 tháng, nhưng đến hạn thanh toán do làm ăn kinh tế khó khăn nên vợ chồng bà không khả năng thực hiện cam kết trả nợ.

Khi vay thì vợ chồng bà có ký biên nhận nợ ngày 6/3/2019 và giao cho ông N, bà H giữ.

Trong quá trình vay thì vợ chồng bà đã đóng lãi cho ông N, bà H nhiều lần với số tiền 42.000.000 đồng. Việc vợ chồng bà đóng lãi cho ông N, bà H không có ai chứng kiến và cũng không có giấy tờ gì chứng minh.

Nay bà chỉ thừa nhận vợ chồng bà còn thiếu bà H, ông N số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng chẵn) nên vợ chồng bà đồng ý trả cho bà H, ông N số tiền này. Bà không đồng ý trả lãi vì trong quá trình vay vợ chồng bà đã đóng lãi cho bà H, ông N quá nhiều. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình bà hiện

nay gặp nhiều khó khăn nên bà xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Ngoài ra, bà không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa bà N yêu cầu:

Bà đồng ý trả cho bà H, ông N số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng chẵn). Bà không đồng ý trả lãi vì trong quá trình vay vợ chồng bà đã đóng lãi cho bà H, ông N quá nhiều. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình bà hiện nay gặp nhiều khó khăn nên bà xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Bị đơn ông Trần Văn N: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cho ông N tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng ông N đều không có mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: ông Phạm Khắc N và bà Phạm Thị Cẩm H khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn N và bà Trần Thị N trả số tiền nợ vay 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng chẵn) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: ông Phạm Khắc N và bà Phạm Thị Cẩm H khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn N và bà Trần Thị N có nơi cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện Tân Hiệp, Kiên Giang, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đồng nguyên đơn ông Phạm Khắc N có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng bị đơn Trần Văn N mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, phía bà H, bà N đồng ý xét xử vắng mặt ông N, ông N. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N, ông N.

[4] Về nội dung: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Khắc N và bà Phạm Thị Cẩm H. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông N, bà H với bà N đều thống nhất phía ông N, bà N có vay của ông N, bà H số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng chẵn) theo Biên nhận ngày 6/3/2019 đến nay chưa thanh toán. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông

Phạm Khắc N và bà Phạm Thị Cẩm H về việc buộc ông Trần Văn N và bà Trần Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Khắc N và bà Phạm Thị Cẩm H số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng chẵn) nêu trên.

Về lãi suất: Ông N, bà H xác định kể từ ngày vay số tiền 40.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 6/3/2019 thì ông N, bà N chỉ đóng lãi cho ông, bà được 1.500.000 đồng nên ông N, bà H yêu cầu ông N, bà N phải trả lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay (ngày 6/3/2019) cho đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 31/5/2022) sau khi đã khấu trừ số tiền 1.500.000 đồng. Phía bà N khai nại cho rằng, trong thời gian vay bà đã đóng lãi cho bà H, ông N quá nhiều với số tiền 42.000.000 đồng nên vợ chồng ông, bà không đồng ý trả lãi. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông N, bà N không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ, trong khi phía nguyên đơn ông N, bà H không thừa nhận nên việc ông N, bà H yêu cầu Tòa án tính lãi theo quy định pháp luật là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật. Xét biên nhận nợ hai bên thỏa thuận lãi suất vay 3%/tháng là vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đồng thời bà H cũng có yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật nên Hội đồng sơ thẩm áp dụng mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự ($20\%/năm = 1,666\%/tháng$) để tính lãi cho phù hợp pháp luật. Cụ thể lãi suất được tính như sau:

- Tiền lãi từ ngày 6/3/2019 DL đến ngày 31/5/2022 DL là 37 tháng 25 ngày trên số nợ gốc 40.000.000 đồng là $(40.000.000 \text{ đồng} \times 1,666\%/tháng \times 37 \text{ tháng}) + (40.000.000 \text{ đồng} \times 0,055 \%/\text{ngày} \times 25 \text{ ngày}) = 24.656.800 \text{ đồng} + 550.000 \text{ đồng} = \text{làm tròn } 25.207.000 \text{ đồng}$. Khấu trừ số tiền 1.500.000 đồng tiền lãi ông N, bà N đã đóng cho ông N, bà H trong thời gian vay. Còn lại 23.707.000 đồng (Hai mươi ba triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Như vậy, tổng cộng gốc và lãi ông N, bà N phải trả cho ông N, bà H là 63.707.000 đồng (Sáu mươi ba triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng). Trong đó gốc là 40.000.000 đồng, Lãi là 23.707.000 đồng.

Xét yêu cầu xin trả nợ dần của bà Trần Thị N về việc xin được trả nợ cho ông N, bà H mỗi tháng với số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện cho các bên thỏa thuận về thời hạn và số tiền phải trả nợ, nhưng phía nguyên đơn không đồng ý cho bà N trả nợ dần. Xét thấy yêu cầu xin trả nợ dần của bà N là không thuộc thẩm quyền của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp thực tế ông N, bà N không có khả năng trả nợ một lần, thì các bên có thể thỏa thuận thời hạn và phương thức trả nợ tại cơ quan Thi hành án dân sự.

Từ những cơ sở và nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Khắc N và bà Phạm Thị Cẩm H. Buộc ông Trần Văn N và bà Trần Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Khắc N và bà Phạm Thị Cẩm H số tiền nợ vay là 63.707.000 đồng (Sáu mươi ba triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng). Trong đó gốc là 40.000.000 đồng, Lãi là 23.707.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Trần Văn N và bà Trần Thị N phải chịu án phí sơ thẩm giá ngạch trên số tiền buộc phải trả cho ông Phạm Khắc N và bà Phạm Thị Cẩm H là 63.707.000 đồng x 5% = làm tròn 3.185.000 đồng (Ba triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Phạm Khắc N và bà Phạm Thị Cẩm H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn) theo biên lai thu số 0006236 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228 khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Khắc N và bà Phạm Thị Cẩm H.

Buộc ông Trần Văn N và bà Trần Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Khắc N và bà Phạm Thị Cẩm H số tiền nợ vay là 63.707.000 đồng (Sáu mươi ba triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng). Trong đó gốc là 40.000.000 đồng, Lãi là 23.707.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Trần Văn N và bà Trần Thị N phải chịu án phí sơ thẩm giá ngạch trên số tiền buộc phải trả cho ông Phạm Khắc N và bà Phạm Thị Cẩm H là

63.707.000 đồng x 5% = làm tròn 3.185.000 đồng (Ba triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Phạm Khắc N và bà Phạm Thị Cẩm H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn) theo biên lai thu số 0006236 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Cẩm H, Trần Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Khắc N, ông Trần Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Văn Thành Nhiều Phan Thị Trúc Phương Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

- **Nơi nhận:**
 - Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
 - VKSND huyện Tân Hiệp;
- -THA dân sự huyện Tân Hiệp;
 - UBND xã Thạnh Trị;
 - Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ.

- **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ**
- **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN**
TÒA

- **Nguyễn Thị Ánh Nguyệt**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Khắc Việt

Phan Thị Trúc Phương

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã Thạnh Đông A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Vũ